

Số: /PA-SNN

Cao Bằng, ngày tháng 6 năm 2023

PHƯƠNG ÁN
Sản xuất vụ Hè thu, vụ Mùa năm 2023

Thực hiện Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Để chủ động trong công tác chỉ đạo sản xuất, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng phương án sản xuất vụ Hè thu, vụ Mùa năm 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2022-2023

1. Trồng trọt

* **Đánh giá cây trồng, chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông nghiệp** (theo Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng)

Sản lượng lương thực có hạt ước đạt 121.851,5/125.335,2 tấn, đạt 97,2% so với kế hoạch, bằng 100,8% so với cùng kỳ năm 2022.

- Lúa xuân: Gieo cấy được 3.680,4/3.732,0 ha, đạt 98,6% KH; bằng 100,3% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 52,8 tạ/ha; bằng 103,5% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 19.432,5 tấn, bằng 103,8% so với cùng kỳ.

- Ngô xuân: Trồng được 25.596,2/25.351,8 ha, đạt 101,1% KH; bằng 99,8% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 40,0 tạ/ha, bằng 100,5% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 102.384,7 tấn, bằng 100,3% so với cùng kỳ.

- Thuốc lá: Trồng được 3.763,5 /3.510 ha, đạt 107,2% KH, bằng 114,4% so với cùng kỳ; ăng suất ước đạt 25,9 tạ/ha, bằng 103,6% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 9.747,5 tấn, bằng 118,5% so với cùng kỳ.

- Đỗ tương xuân: Trồng được 454,5/517,5 ha, đạt 87,8% KH, bằng 94,8 % so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 10,2 tạ/ha, bằng 113,3% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 463 tấn, bằng 107,5% so với cùng kỳ.

- Lạc xuân: Trồng được 305,1/378,0 ha, đạt 80,7% KH, bằng 102,1% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 12,5 tạ/ha, bằng 104,2% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 381,4 tấn, bằng 106,4% so với cùng kỳ.

- Khoai tây: Trồng được 87,6/104,0 ha, đạt 84,3 % KH, bằng 97,2% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 161,4 tạ/ha, bằng 108,3% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 1.414,3 tấn, bằng 105,2% so với cùng kỳ.

- Mía: Trồng được 2.695,3 /2.821,0 ha, đạt 95,5% KH, bằng 88,4% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 680,0 tạ/ha, bằng 100,3% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 183.280,4 tấn, bằng 88,7% so với cùng kỳ.

- Cây sắn: Trồng được 2.674,1/2.723,9 ha, đạt 98,2% KH, bằng 122,5% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 162,9 tạ/ha, bằng 107,2% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 43.561,1 tấn, bằng 131,3% so với cùng kỳ.

- Cây Dong riềng: Trồng được 538,9/460,4 ha, đạt 117,0% KH, bằng 113,9% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 536,6 tạ/ha, bằng 94,8% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 28.916,3 tấn, bằng 108,0% so với cùng kỳ.

- Cây thạch đen: Trồng được 337,4/570,0 ha, đạt 59,2% KH, bằng 76,4% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 55,3 tạ/ha, bằng 100,5% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 1.865,8 tấn, bằng 76,8% so với cùng kỳ;

- Cỏ chăn nuôi: Trồng được 1.705,3/1.567,2 ha, đạt 108,8% KH, bằng 124,5% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 389,3 tạ/ha, bằng 89,5% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 66.387,3 tấn, bằng 111,4% so với cùng kỳ.

- Mạch hoa trồng được 22,9/80,5 ha đạt 28,4% KH, bằng 28,4% so với cùng kỳ, năng suất ước đạt 7,2 tạ/ha, bằng 107,5% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 16,5 tấn, bằng 30,5% so với cùng kỳ.

- Gừng trâu: Trồng được 180,3/194,2 ha, đạt 92,8% KH, bằng 140,5% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 183,2 tạ/ha, bằng 101,8% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 3.303,1 tấn, bằng 143,0% so với cùng kỳ.

2. Tình hình sâu bệnh hại vụ Đông Xuân

- Trên cây lúa xuân: *Ốc brou vàng*: Diện tích nhiễm 279,0 ha, phòng trừ 271,0 ha; Thấp hơn so với cùng kỳ năm trước; Người dân đã chủ động, tích cực phòng trừ nên không có diện tích phải gieo cấy lại; *Rầy nâu, rầy lưng trắng* (Lúa 3): Diện tích nhiễm 286,0 ha, phòng trừ 281,0 ha; Cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Trên cây ngô: *Sâu keo mùa thu*: Diện tích nhiễm 119,9 ha, những diện tích bị nhiễm người dân đã phun trừ 108,9 ha; Thấp hơn so với cùng kỳ năm trước; *Dế mèn*: Diện tích nhiễm 25,0 ha trong đó mất trắng 1,5 ha, phòng trừ 13,8 ha; Năm 2022 mật độ hại thấp chưa đến nhiễm; *Bọ ban miêu*: Diện tích nhiễm 3,54 ha, phòng trừ 2,54 ha; Năm 2022 mật độ hại thấp chưa đến nhiễm; *Sâu gai*: Diện tích nhiễm 3,7 ha; Năm 2022 mật độ hại thấp chưa đến nhiễm; *Châu chấu xanh*: Diện tích nhiễm 8,0 ha, phòng trừ 8,0 ha; Năm 2022 mật độ hại thấp chưa đến nhiễm.

- Trên cây thuốc lá: *Bệnh khảm lá*: Diện tích nhiễm 27,5 ha, phòng trừ 33,50 ha; Thấp hơn so với cùng kỳ năm trước; *Bệnh đốm mắt cua*: Diện tích nhiễm 30,0 ha, phòng trừ 42,0 ha; Thấp hơn so với cùng kỳ năm trước; *Sâu xanh*: Diện tích nhiễm 25,0 ha, phòng trừ 25,0 ha; Năm 2022 mật độ hại thấp chưa đến nhiễm; *Châu chấu tre*: Diện tích nhiễm 0,31 ha, phòng trừ 0,31 ha; Năm 2022 mật độ hại thấp chưa đến nhiễm.

- Trên cây mía: *Bọ cánh cứng* diện tích nhiễm 8,0 ha; Năm 2022 mật độ hại thấp chưa đến nhiễm.

- Trên cây cam, quýt: *Bệnh vàng lá thối rễ* diện tích nhiễm 52,0 ha, phòng trừ 52,0 ha; Năm 2022 tỷ lệ hại thấp chưa đến nhiễm.

- Trên cỏ dại: *Châu chấu tre* diện tích nhiễm 70,55 ha, phòng trừ 70,20 ha; Thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Trên rừng vầu: *Châu chấu tre* diện tích nhiễm 4,30 ha, phòng trừ 1,45 ha; Thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Trên rừng trúc sào: *Sâu róm xanh* diện tích nhiễm 40 ha; Năm 2022 mật độ hại thấp chưa đến nhiễm.

- Trên cây keo lai: *Bệnh chết héo* diện tích nhiễm 0,22 ha, phòng trừ 0,22 ha; Năm 2022 tỷ lệ hại thấp chưa đến nhiễm.

3. Đánh giá kết quả

Vụ Đông Xuân thời tiết diễn biến phức tạp đầu năm rét đậm, rét hại, giữa vụ thời tiết nắng nóng khô hạn, kèm theo mưa đá và đông ảnh hưởng đến thời vụ gieo trồng và sinh trưởng của cây trồng nên một số diện tích gieo trồng không đạt so với kế hoạch giao như: Mía, sắn; đỗ tương; lạc... Bên cạnh đó việc tiêu thụ các sản phẩm nông sản khó khăn; đặc biệt đối với cây trồng xuất khẩu như cây thạch đen, dẫn đến diện tích trồng đạt thấp.

Công tác kiểm tra, phát hiện, dự tính dự báo thời gian phát sinh, phạm vi và mức độ gây hại của dịch hại trên địa bàn tỉnh trong vụ Đông Xuân: Do thời tiết diễn biến phức tạp tình hình dịch hại gây hại phát sinh thêm các đối tượng dịch hại như: Dế mèn, Bọ ban miêu... hại trên cây ngô; Sâu róm xanh hại trên cây Trúc; Bệnh chết héo phát sinh gây hại trên cây Keo... so với năm 2022 không có. Mức độ gây hại của các đối tượng gây hại nhẹ - TB, tỷ lệ, mật độ sâu bệnh hại thấp hơn so với cùng kỳ, những diện tích nhiễm đã được người dân chủ động phòng trừ nên những diện tích nhiễm cơ bản phòng trừ kịp thời không ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển và năng suất của cây trồng.

II. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT VỤ HÈ THU, VỤ MÙA VÀ ĐỊNH HƯỚNG VỤ ĐÔNG NĂM 2023

1. Nhận định những thuận lợi, khó khăn

a) Thuận lợi

- Sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu, vụ Mùa luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, ngành địa phương đặc biệt hàng năm UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất vụ cho các huyện, Thành phố thực hiện;

- Công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện triển khai sản xuất của UBND các cấp, các ngành chủ động quyết liệt; người dân tích cực và chủ động trong sản xuất;

- Người dân ngày càng chủ động trong sản xuất như về công tác chuẩn bị giống, có các biện pháp ứng phó với thời tiết bất thường, phòng trừ dịch hại để giảm thiểu tối đa những thiệt hại trong sản xuất;

- Các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp của tỉnh đã và đang được áp dụng rộng rãi đến người dân và doanh nghiệp; các hình thức tổ chức sản xuất như theo hình thành chuỗi liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm giữa doanh nghiệp, HTX và người dân.

- Các công trình thủy lợi ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu phục vụ nước tưới cho sản xuất...

b) Khó khăn

- Vụ Hè thu, vụ Mùa năm 2023 dự báo nhiệt độ xấp xỉ cao hơn TBNN, số ngày nắng nóng có khả năng xuất hiện nhiều và gay gắt hơn cùng kỳ năm 2022, nguy cơ xảy ra nắng nóng, hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng trong thời gian tới sẽ ảnh hưởng đến tiến độ gieo trồng và sinh trưởng phát triển của cây vụ xuân và tiến độ gieo trồng vụ Hè thu, Mùa

- Quy mô diện tích sản xuất theo nông hộ nhỏ lẻ, chưa tạo được sức hút để doanh nghiệp đầu tư, liên kết trong phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, giá bán nông sản còn thấp;

- Lao động trong nông nghiệp thiếu hụt do phần lớn người đang trong độ tuổi lao động đi làm cho các doanh nghiệp, công ty ngoài tỉnh dẫn đến nhiều diện tích nông nghiệp không được khai thác triệt để...

2. Mục tiêu

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả; chuyển đổi diện tích cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn.

- Tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, nhất là tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng; sử dụng các giống bản địa có ưu thế về chất lượng để nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp; Thâm canh để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông sản.

3. Kế hoạch

3.1. Kế hoạch trồng trọt

a) Đối với vụ Hè thu, vụ Mùa

Căn cứ Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

Cây lương thực có hạt: Tổng diện tích gieo trồng đạt 41.176,6 ha; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 206.301,1 tấn. cụ thể:

- Cây lúa: Diện tích 25.985,2 ha; năng suất 46,8 tạ/ha; sản lượng 121.695,2 tấn; trong đó diện tích sử dụng giống lúa chất lượng cao khoảng 5 - 10% trên tổng diện tích gieo trồng.

- Cây ngô: Diện tích 15.191,4 ha; năng suất 33,1ha; sản lượng 50.217,2 tấn.

- Cây đỗ tương: Diện tích 1.856,7 ha; năng suất 10,4 tạ/ha; sản lượng 1.922,3 tấn.

- Cây lạc: Diện tích 1.598,6 ha; năng suất 15,6 tạ/ha; sản lượng 2.491,9 tấn.

b) Định hướng vụ Đông

Do điều kiện khí hậu mùa đông tại tỉnh Cao Bằng thường xuyên xảy ra rét đậm, rét hại, băng giá ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng, do đó diện tích sản xuất cây vụ Đông phần đầu duy trì và mở rộng diện tích gieo trồng khoảng trên 6.000 ha đối với một số cây trồng như sau:

- Cây thuốc lá: Duy trì diện tích gieo trồng thuốc lá vụ Đông Xuân trên 3.700ha; Phần đầu mở rộng diện tích gieo trồng vụ Đông tại huyện Hòa An, Trùng Khánh diện tích khoảng 100 ha.

- Cây khoai tây: Duy trì và mở rộng diện tích trên 100ha; năng suất dự kiến 170 tạ/ha; sản lượng đạt 1.700 tấn.

- Cây khoai lang: Duy trì và mở rộng diện tích trên 100ha; năng suất dự kiến 80 tạ/ha; sản lượng đạt 800 tấn.

- Cây rau màu: Duy trì diện tích trên 2.500 ha; năng suất dự kiến 85 tạ/ha; sản lượng đạt 21.250 tấn; chỉ đạo nông dân trồng rải vụ để tránh tình trạng thừa lúc chính vụ, giá thấp, giảm hiệu quả kinh tế.

3.2. Công tác bảo vệ thực vật

Dự kiến một số loại dịch hại chính trên một số cây trồng:

- Trên cây lúa: *Ốc bươu vàng* phát sinh và gây hại ngay từ đầu vụ trên lúa mùa mới cấy - hồi xanh - đẻ nhánh phổ biến trên các ruộng gần nương, suối, những ruộng lúa vụ trước có mật độ ốc, ổ trứng cao phòng trừ không triệt để; *Rầy nâu*, *rầy lưng trắng* nở và gây hại rải rác từ cuối tháng 6 trở đi trên mạ mùa, lúa mùa sớm, rầy nở tập trung từ giữa đến cuối tháng 7 và gây hại mạnh vào tháng 8 đến tháng 9 chủ yếu trên lúa mùa chính vụ, lúa mùa muộn giai đoạn, mật độ phổ biến 200 - 500 con/m², nơi cao 800 - 1.500 con/m², ổ cục bộ > 5.000 con/m² nếu không phòng trừ kịp thời có thể gây cháy rầy cục bộ; *Sâu cuốn lá nhỏ*: sâu non phát sinh gây hại từ đầu tháng 7 đến đầu tháng 8 và gây hại mạnh từ giữa đến cuối tháng 8 chủ yếu trên lúa mùa chính vụ và lúa mùa muộn; *Bệnh khô vằn* xuất hiện phát sinh, phát triển mạnh từ giai đoạn lúa đứng cái, làm đồng đến cuối vụ, bệnh thường hại nặng trên ruộng cấy dày, lá xanh tốt rậm rạp, bón phân không cân đối, bón đạm muộn; *Bệnh đạo ôn* phát sinh gây hại giai đoạn lúa đẻ nhánh rộ, nhưng chủ yếu gây hại mạnh vào giai đoạn lúa đứng cái - trở bông...

- Trên cây ngô: *Sâu keo mùa* thu phát sinh và gây hại mạnh trên cây ngô giai đoạn 2 - 7 lá, gây hại từ giữa tháng 7; *Sâu xám* hại mạnh ngay từ khi cây mọc đến khi cây được 2 - 3 lá, diện phân bố rộng; *Sâu đục thân*, *bắp* gây hại mạnh giai đoạn ngô xoáy nõn đến chín sữa tháng 9 đến đầu tháng 10; *Bệnh khô vằn* thường phát sinh vào giai đoạn ngô được 6 - 7 lá và hại mạnh vào giai đoạn trở cờ phun râu - thu hoạch.

- Trên cây mía: *Bọ trĩ, sâu đục thân* tiếp tục gây hại; *Rệp xơ trắng, rệp sáp* gây hại tập trung ở những nơi khô hạn, chăm sóc kém gây hại chủ yếu khi cây mía vươn lóng đến thu hoạch; *Bệnh than đen* gây hại từ tháng 6 đến tháng 7; *Bệnh thối đở* gây hại giai đoạn cây mía đã vươn lóng cao trở đi (từ tháng 8 đến tháng 12).

- Trên cây lạc, đậu tương: *Sâu xám* gây hại rải rác giai đoạn cây con; *Sâu khoang* gây hại từ giai đoạn phân cành - ra hoa trở đi; *Bệnh đốm lá, gỉ sắt* hại từ giai đoạn ra hoa trở đi.

- Các cây trồng khác: Sâu bệnh phát sinh và phát triển ở mức thấp.

3.3. Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng

Tiếp tục thực hiện theo kế hoạch số 254/KH-SNN ngày 10/02/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tỉnh Cao Bằng năm 2023 với tổng diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trong năm 2023 là 1.222,63 ha. Trong đó: Chuyển sang cây hàng năm 1.171,01 ha; chuyển sang cây lâu năm 27,32 ha; chuyển trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản 24,3 ha.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác quản lý nhà nước

- Chủ trì, chỉ đạo hướng dẫn đôn đốc các địa phương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, bố trí cơ cấu giống, thời vụ, phổ biến các biện pháp, kỹ thuật gieo cấy, chăm sóc và bảo vệ cây trồng phù hợp với nguồn nước tưới;

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về việc chấp hành pháp luật đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật tư, phân bón trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các địa phương đưa giống cây trồng mới, giống có khả năng chịu hạn vào vụ sản xuất vụ Mùa, Hè thu năm 2023.

- Tập trung chỉ đạo việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả, quyết liệt trong chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang cây trồng có giá trị kinh tế cao;

- Các giống cây trồng trước khi cung ứng vào các huyện, thành phố yêu cầu các tổ chức, cá nhân phải có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo việc triển khai các hoạt động cung ứng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Công tác chỉ đạo sản xuất

2.1. Cơ cấu giống cây trồng

Sử dụng các loại giống cây trồng phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu như:

+ Giống lúa: Đoàn kết, Bao thai, Dòng Japonica, BTE-1, C70, Nhị ưu 838, Đại dương 8, Syn 98, GS55, Nhị ưu 63, U17...; Lúa nếp đặc sản: Nếp Ong, Nếp Hương, Nếp Pì Pát...

+ Giống Ngô: các dòng CP, NK cụ thể: CP511, CP 111, CP 512, CP 989, NK 7328, NK4300, BIO SEED 9698...

+ Đỗ tương: Giống DT96, giống địa phương.

+ Lạc: Giống L14, L23, giống địa phương.

+ Rau, đậu, bắp cải, su hào, cải ăn lá, củ cải các loại...Chủ yếu sử dụng các loại giống có nguồn gốc trong nước và giống địa phương.

2.2. Thời vụ

Theo dõi tình hình thời tiết để bố trí thời vụ sản xuất phù hợp với địa phương

+ Cây lúa: Lúa mùa sớm: Dự kiến kết thúc cây 20/6; Lúa mùa chính vụ: kết thúc cây 20/7; Mùa muộn kết thúc cây 15/8, Khuyến cáo tuổi mạ khoảng 25 - 35 ngày. Những diện tích lúa không chủ động nước tiếp tục chỉ đạo chuyển sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn.

+ Cây ngô, đậu tương, lạc: Bắt đầu trồng từ tháng 7 kết thúc trong tháng 8

+ Cây rau các loại: Căn cứ vào điều kiện thời tiết thuận lợi để xác định thời gian gieo trồng phù hợp với từng loại rau, trồng rải vụ để tránh tình trạng thừa lúc chính vụ, giá bán thấp, giảm hiệu quả kinh tế.

2.3. Bảo vệ thực vật

- Thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo tình hình phát sinh, gây hại của các đối tượng sinh vật gây hại trên cây trồng và hướng dẫn các biện pháp phòng trừ kịp thời, an toàn hiệu quả;

- Phối hợp với các địa phương chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn nông dân các biện pháp kỹ thuật nhằm tăng khả năng chống chịu của cây trồng đối với sâu bệnh và điều kiện thời tiết bất thuận;

- Phối hợp với các kênh truyền thông xây dựng các bản tin cảnh báo dịch bệnh để người sản xuất chủ động trong công tác phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng.

2.4. Vật tư sản xuất (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật)

- Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện chuẩn bị đầy đủ số lượng, chủng loại đáp ứng để phục vụ cho sản xuất vụ Xuân;

- Tuyên truyền vận động nhân dân sử dụng vật tư nông nghiệp có nguồn gốc rõ ràng tại các cửa hàng kinh doanh đủ điều kiện theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT

1.1. Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi

- Thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các địa phương hướng dẫn thời vụ gieo trồng, cơ cấu giống cây trồng, các biện pháp, kỹ thuật gieo cấy, chăm sóc và

bảo vệ cây trồng phù hợp với điều kiện nguồn nước; đẩy nhanh việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tập trung vào các cây trồng chủ lực có giá trị kinh tế cao;

- Tăng cường bám sát cơ sở phát hiện sớm các vấn đề bất cập, khó khăn trong sản xuất để xử lý kịp thời; đồng thời làm tốt công tác dự tính, dự báo sâu bệnh hại, tham mưu kịp thời biện pháp phòng trừ sâu bệnh đảm bảo an toàn, hiệu quả;

- Tăng cường phối hợp cơ quan báo chí thông tin, tuyên truyền về tình hình thời tiết trong thời gian tới đến người dân, để nâng cao ý thức người dân trong việc sử dụng nước tiết kiệm; sử dụng nước hiệu quả.

- Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản: Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản để đảm bảo an toàn thực phẩm; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và lấy mẫu giám sát sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

1.2. Chi cục Thủy lợi

- Chi đạo Công ty TNHH MTV Thủy nông thường xuyên kiểm tra, rà soát đánh giá nguồn nước, năng lực cấp nước cho các công trình thủy lợi, rà soát toàn bộ diện tích của từng khu vực tưới của các công trình để có kế hoạch điều tiết nước tưới cụ thể, hợp lý. Căn cứ khả năng cấp nước đưa ra cảnh báo đối với những diện tích không đảm bảo nước tưới cho các địa phương để kịp thời có hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp.

- Xây dựng kế hoạch để chủ động cho công tác chống hạn hán khi có nguy cơ hạn hán xảy ra; phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố kiểm tra việc sửa chữa, nạo vét kênh mương, phát dọn cây cối, khơi thông dòng chảy; bảo dưỡng sửa chữa các trạm bơm và máy bơm; hướng dẫn các biện pháp tưới tiêu hợp lý;

1.3. Trung tâm Khuyến nông và giống cây trồng nông lâm nghiệp: Phối hợp với Trung tâm dịch vụ nông nghiệp các huyện, thành phố và cơ quan truyền thông thông tin tuyên truyền các mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, các tiến bộ kỹ thuật được người dân áp dụng đạt kết quả tốt... đến người dân.

2. UBND các huyện, thành phố

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn khẩn trương rà soát và nắm chắc những diện tích không chủ động nước tưới để có kế hoạch trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng kịp thời, chuyển đổi từ trồng lúa sang cây trồng cạn có khả năng chịu hạn để hạn chế thiệt hại về năng suất;

- Chỉ đạo, hướng dẫn bố trí thời vụ gieo trồng phù hợp với khả năng nguồn nước, tránh gieo trồng lúa ở vùng không bảo đảm chủ động về nguồn nước trong cả vụ sản xuất; bố trí vùng sản xuất cây trồng có cùng khả năng chịu hạn để thuận tiện cho việc điều tiết nước.

- Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp tăng cường công tác điều tra, dự tính dự báo sinh vật gây hại trên cây trồng; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch được giao; đồng thời tuyên truyền vận động nhân dân thăm đồng thường xuyên trong vụ sản xuất để có những biện pháp xử lý kịp thời.

- Duy trì chế độ thông tin báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT theo quy định.

Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị các đơn vị trực thuộc, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung trên; trong quá trình tổ chức thực hiện, có khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- Ban giám đốc;
- CC Thủy lợi; TT KN &GNLN;
- Trang thông tin Sở NN&PTNT;
- Lưu: VT, TT&CN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Ngọc Truân